TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/7/2019.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Thái.

2. Ông Võ Tùng Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc *tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14/02/2019 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/6/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Ngọc T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Trú tại: ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc T trình bày: chị và anh P do tự quen biết tìm hiểu nhau nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào tháng 8 năm 2007. Sau khi kết hôn, chị và anh P sống chung tại ấp G, xã T và sống hạnh phúc có 02 con chung nhưng sau đó thì mất hạnh phúc do anh P thường hay nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng chị thường xuyên cãi vã nhau, hơn nữa có lần anh P nhậu say

kiếm chuyện vô cớ và có hành vi đánh đập chị. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh P. Về con chung: thời gian sống chung, chị T và anh P có hai con chung là cháu Lê Hoàng K, sinh ngày 17/11/2008 và Lê Hoàng N, sinh ngày 16/4/2015; hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị và anh P; sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, anh P nuôi cháu K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Lê Hoàng P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị Ngọc T; về con chung: chị T được trực tiếp nuôi cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 16/4/2015, anh P được trực tiếp nuôi cháu Lê Hoàng K, sinh ngày 17/11/2008, chị T, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị Ngọc T và anh Lê Hoàng P trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào tháng 8 năm 2007. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh P tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị T và anh P có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị T xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng: nguyên nhân chủ yếu vợ chồng mất hạnh phúc là do anh P thường hay nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng chị thường xuyên cãi vã nhau, hơn nữa có lần anh P nhậu say kiếm chuyện vô cớ và có hành vi đánh đập chị. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời chị T và anh P đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhưng anh P vẫn vắng mặt

không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh P không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với chị T. Hơn nữa, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa chị T và anh P là do anh chị thường hay cãi vã và xô xát nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T và anh P là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà anh chị đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: chị T và anh P có 02 con chung là cháu Lê Hoàng K, sinh ngày 17/11/2008 và cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 16/4/2015; hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị T và anh P; sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, còn anh P nuôi cháu K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại cháu K và cháu N đang sống chung với chị T và anh P, tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên thì cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với anh P; trong quá trình giải quyết vụ án, anh P cũng không có văn bản trình bày ý kiến tranh chấp về nuôi cháu N với chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển về thể chất, sự phát triển tốt về tinh thần và đảm bảo việc học hành cho cháu K và cháu N nên Hội đồng xét xử giao cháu K cho anh P và giao cháu N cho chị T được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị T, anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: chị T trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh P cũng không có văn bản trình bày ý kiến và đơn tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung: chị T trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh P cũng không có văn bản trình bày là anh và chị T có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị T phải chịu do chị T yêu cầu ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị Ngọc T. Chị Lâm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lê Hoàng P.

Về con chung: chị Lâm Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 16/4/2015, anh P được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Hoàng K, sinh ngày 17/11/2008, hiện nay cả hai cháu đang sống chung với chị T, anh P; chị T, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh chị không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị T trình bày là không có nên không đề cập.

Về nợ chung: chị T trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lâm Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000433 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đạt